

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 31 - 12 - 2024

V/v: *Kiến xin ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Quang Lương

Bà Đặng Thị Thu

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:*  
Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2024 về việc “Kiến xin ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1994; đăng ký HKTT: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ cần báo: Trường T1, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Chị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình L1, sinh năm 1983; đăng ký HKTT: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Trị; hiện đang thi hành án tại đội 28, phân trại 2, Trại giam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh L1 vắng mặt và có ý kiến xin xét xử vắng mặt tại biên bản lấy lời khai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/11/2024, được bổ sung tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, đơn trình bày, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Đình L1 có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2019 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng được

một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị L trình bày thêm tại đơn trình bày gửi cho Tòa án ngày 27/12/2024: Chị cho rằng anh L1 là người có tính gia trưởng, kiểm soát, ghen tuông quá nhiều khiến tôi cảm thấy mệt mỏi và áp lực vô cùng. Vì tính chất công việc, anh ấy cũng đi làm nhiều hơn ở nhà, thỉnh thoảng sẽ về nhà (một tuần về khoảng 2 ngày – giữa tuần và cuối tuần). Mỗi lần về nhà, anh ấy chỉ biết tụ tập với bạn bè, đồng nghiệp đi nhậu, không phụ giúp vợ làm việc nhà cũng như chơi với con. Cộng thêm tính gia trưởng, độc đoán nên anh ấy luôn điều khiển chị phải làm theo ý mà anh ấy muốn (ví dụ mua đồ ăn sáng cũng phải mua chỗ ngon đúng ý, ăn uống cũng phải ăn những món ngon) không cần biết là có tiền hay không. Còn nếu chị L đi đâu là phải xin phép trước, nếu không xin phép mà tự ý đi hoặc tự ý làm thì sẽ bị anh ấy đe dọa, dùng những ngôn từ bạo lực (đòi chém, giết, nổ bình ga .....). Hoặc trường hợp chị đã xin phép rồi nhưng đi cũng chỉ được một lúc là sẽ gọi điện và bắt về bằng được. Có lần – lúc ấy con gái của anh chị mới chưa được 2 tuổi, bé uống sữa ngoài, chị ở nhà chăm con nên sẽ theo dõi được việc ăn uống của con. Con không hợp sữa nên chị đã đổi qua sữa khác (do không có tiền nên chị phải đi mua nợ 4 hộp sữa). Lúc anh ấy đi làm về thấy chị đổi sữa liền trách mắng và đem 4 hộp sữa đẩy ra chặt ngay trước mặt chị, con gái và cả bố ông bà ngoại. Còn về sự ghen tuông và kiểm soát. Anh ấy hạn chế tối đa việc chị giao tiếp với N – đồng nghiệp trên các nền tảng mạng xã hội hoặc trong cuộc sống hằng ngày. Luôn kiểm tra, điều tra trong điện thoại tùy tiện, không tôn trọng đời tư của chị L. Anh ấy còn nói rằng: trong danh bạ điện thoại cũng như tài khoản mạng xã hội không được có số điện thoại hoặc kết bạn với “nam”. Mỗi lần gọi điện mà chị không nghe máy kịp thì sẽ gọi hết người này đến người khác để tìm cho bằng được và đến lúc chị L nghe máy thì sẽ buông những lời miệt thị, xúc phạm. Đời sống tinh thần của chị L đã bị ảnh hưởng rất nhiều. Đã có thời gian chị bị stress, nghĩ đến cái chết rất nhiều lần. Trong khi đó, anh ấy lại có tính trăng hoa, nhắn tin gạ gẫm nhiều người trên mạng xã hội.

Anh L1 không hề quan tâm đến cảm xúc của chị, không tôn trọng cũng như công việc. Lúc chị L vừa có bầu được 3-4 tháng, bị bỏng nước sôi nhưng anh ấy vẫn rất bình thản ngồi ngoài hành lang để chơi game, anh ấy còn nói với chị L: mấy cái này anh không biết, em đi ra ngoài nhà thuốc hoặc đau ốm thì hỏi bác sĩ. Trong công việc, nếu chị L mang việc về nhà - vì đôi lúc việc quá nhiều thì anh ấy cũng không bao giờ tạo điều kiện và hỗ trợ để chị L có thời gian hoàn thành công việc của mình (ví dụ chị sẽ phải đi chợ, nấu ăn sẵn đấy xong xuôi hết rồi mới đến công việc của mình). Anh ấy sẵn sàng đe dọa và bắt nghỉ việc nếu không vừa lòng. Chỉ cần chị L không làm theo ý của anh ấy, anh ấy sẽ đe dọa, nói những ngôn từ bạo lực để xúc phạm và gây sức ép tinh thần (ngay cả việc anh ấy ép phải đi vay mượn tiền gửi cho anh ấy để anh ấy trả nợ – có lần anh ấy gọi điện cho chị, trong lúc đang dạy, anh ấy bắt phải bỏ mặc học sinh và lớp học ở đấy để mượn tiền mang

về nhà cho anh ấy trả nợ, nếu không sẽ giết chết, không cần biết có bỏ mặc học sinh hay công việc có bị ảnh hưởng gì không, bằng mọi cách phải mượn được tiền và mang về nhà gấp). Lúc anh ấy chưa thi hành án. Những lúc chị L ngỏ lời muốn chia tay thì sẽ nhận lại những lời đe dọa, hành động bạo lực: đập phá đồ trong nhà, đòi nổ bình ga, đòi giết và đòi dành con để nuôi, không cho chị L được nuôi bé nhằm gây áp lực. Anh ấy đã khiến cho hai mẹ con bị ám ảnh rất nhiều, con gái của anh chị cũng đã bị ảnh hưởng từ những hành động bạo lực của ba lúc nhỏ nên hiện tại bây giờ bé vẫn còn rất nhát, thiếu tự tin khi đi ra ngoài đám đông. Điển hình, tại buổi hòa giải xét xử tại Trại giam Đ vào ngày 11-12-2024. Anh ấy không đồng ý ly hôn, không chịu ký vào bất kì giấy tờ nào. Anh ấy đòi dành quyền nuôi con. Đồng thời còn nói lời đe dọa: sau khi anh ấy ra trại thì sẽ có án mạng xảy ra. Anh ấy nói: nếu chị L nhất quyết ly hôn thì sẽ không để cho chị L sống yên ổn (1 là con sẽ mò cô mẹ, 2 là con sẽ mò cô cả ba và mẹ). Trong quá trình chung sống, anh Trần Đình L1 có thói quen chơi cá độ bóng đá, chơi các tài khoản game ảo trên mạng (có mất tiền). Vì thế về kinh tế, anh L1 không đảm bảo được kinh tế cho gia đình. Đồng thời, những lúc anh ấy chơi bị thua lỗ thì sẽ cầm cố tài sản như: Giấy tờ tùy thân, giấy phép lái xe, giấy tờ xe, cầm xe máy rất nhiều lần. Đặc biệt anh ấy đã đi cầm cả bằng đại học (chuyên ngành Tiểu học) của chị để lấy tiền chơi bời. Những lần anh ấy đi cầm như vậy thì chị là người phải đứng ra để đi vay mượn tiền để đi chuộc về. Hiện tại bằng đại học và giấy tờ xe, giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân cũ, bằng lái xe) của chị L vẫn chưa lấy về được vì lãi quá cao nên chưa có khả năng để lấy về. Chính vì như thế nên chi tiêu sinh hoạt trong gia đình một mình chị L gánh vác. Vừa phải lo chi phí sinh hoạt và chăm con nhỏ, vừa phải chi trả những khoản nợ mà anh ấy gây ra. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng chị xin được ly hôn anh L1.

- *Về nuôi con chung*: Chị L trình bày quá trình chung sống chị và Trần Đình L1 có 01 con chung cháu Trần Ngọc Tường L2, sinh ngày 12/9/2020. Hiện nay cháu Tường L2 đều đang sinh sống với chị L. Nguyện vọng sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Tường L2 và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh L1 đang thi hành án phạt tù, không có thu nhập.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị L trình bày quá trình chung sống chị và anh L1 không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/12/2024, bị đơn anh Trần Đình L1 trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2019 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Về việc chị L nộp đơn Ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới anh không đồng ý; anh cho rằng giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị L vẫn đến Trại giam Đ thăm gặp anh; anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn; nên việc chị L làm đơn xin ly hôn, anh không

đồng ý. Anh trình bày nêu trường hợp chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý nhưng với điều kiện sau khi anh mãn hạn tù hai năm nữa.

- *Về nuôi con chung*: Anh L1 trình bày quá trình chung sống anh và chị Trần Thị L có 01 con chung cháu Trần Ngọc Tường L2, sinh ngày 12/9/2020. Hiện nay cháu Tường L2 đều đang sinh sống với chị L. Nếu trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tường L2 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Anh L1 trình bày quá trình chung sống anh và chị L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L1 trình bày tại biên bản lấy lời khai: Trường hợp Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì anh có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt tại các phiên tòa.

*Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Chị L đã nộp bản tự khai, anh L1 mặc dù không viết bản tự khai nhưng đã khai trong nội dung biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2024 do Tòa án nhân dân thành phố lập và có xác nhận của Trại giam Đ. Tại buổi hòa giải ngày 12/12/2024 tại Trại giam Đ, anh Trần Đình L1 có mặt và đã được đọc, nghe về nội dung phiên họp tiếp cận công khai, chứng cứ và biên bản hòa giải, nhưng anh không ký vào các biên bản. Tòa án đã lập biên bản về việc anh Trần Đình L1 không ký vào biên bản, có xác nhận của Trại giam Đ.

Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự nhằm đảm bảo quyền được biết việc Tòa án giải quyết ly hôn và quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn, ý kiến xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như bản tự khai và biên bản lấy lời khai của đương sự.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:*

**1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:** Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:** Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết việc.

**3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tiến hành viết bản tự khai và cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn thiếu

hợp tác trong quá trình tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, không ký vào biên bản làm việc.

**4. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình:** Vợ chồng chị L anh L1 kết hôn hợp pháp vào ngày 22/7/2019 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Do điều kiện hoàn cảnh, vợ chồng không sống chung với nhau, anh L1 không tu chí làm ăn dẫn đến con đường phạm tội, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn gia đình. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1 để ổn định cuộc sống. Xét thấy, nguyện vọng xin ly hôn của chị L là chính đáng, cần được chấp nhận.

Về con chung, hai vợ chồng có một con chung là cháu Trần Ngọc T Lam sinh năm 2020, cháu hiện còn nhỏ, mới hơn 4 tuổi, trước đến nay sống cùng với chị L, hiện anh L1 đang chấp hành án nên không đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con, do đó, giao cháu Tường L2 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử chị L được ly hôn anh L1, giao con chung là Trần Ngọc Tường L2 cho chị L trực tiếp nuôi.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Trần Đình L1 có địa chỉ đang thi hành án tại: Trại giam Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện: Chị Trần Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đình L1, vụ án được thụ lý quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị L là nguyên đơn và anh Trần Đình L1 là bị đơn; anh chị đã có đơn và ý kiến tại biên bản lấy lời khai đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

### [3] Về nội dung:

#### [3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị L và anh Trần Đình L1 đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2019 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng tăng. Nguyên nhân theo trình bày của chị L là sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, anh L1 có tính gia trưởng, kiểm soát, ghen tuông quá nhiều khiến chị L cảm thấy mệt mỏi và áp lực vô cùng. Vì tính chất công việc, anh ấy cũng đi làm nhiều hơn ở nhà, thỉnh thoảng sẽ về nhà. Mỗi lần về nhà, anh ấy chỉ biết tụ tập với bạn bè, đồng nghiệp đi nhậu, không cùng chị lo lắng việc trong gia đình, vun vén hạnh phúc. Cộng thêm tính gia trưởng, độc đoán nên anh ấy luôn điều khiển chị phải làm theo ý của anh L1, sống hàng ngày với anh L1 khiến chị lúc nào cũng lo sợ về tính mạng về những lời đe dọa của anh. Mặc dù anh L1 trình bày là giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn, anh không đồng ý ly hôn; tuy nhiên anh cũng trình bày nếu trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý nhưng phải sau khi anh mãn hạn tù.

Thấy rằng, giữa anh L1 và chị L đã không tìm được tiếng nói chung; anh L1 trình bày là không đồng ý ly hôn nhưng tại buổi hòa giải cũng như trình bày của chị L anh không đưa ra được các phương án để chị L có niềm tin mà ngược lại anh đe dọa sau khi ra trại thì sẽ có án mạng xảy ra với chị L; nếu chị L nhất quyết li hôn thì sẽ không để cho chị sống yên ổn (1 là con sẽ mồ côi mẹ, 2 là con sẽ mồ côi cả ba và mẹ). Điều này thể hiện tính hung hãn, coi thường pháp luật của anh L1. Lẽ ra anh đã mất niềm tin với chị L, anh phải có những lời nói hành động để xoa dịu sợ hãi, lấy lại niềm tin ở chị L. Nhưng anh lại thể hiện ngược lại, đưa ra những ý kiến không xác đáng như là anh đồng ý ly hôn nhưng phải sau khi anh mãn hạn tù. Do cuộc sống vợ chồng của anh khi anh L1 chưa vào tù đã khiến chị L hoảng sợ, lo lắng, anh L1 gây áp lực về tinh thần; anh lại không lo lắng đến chăm lo kinh tế gia đình cùng chị vun vén hạnh phúc, nên chị đã đề nghị được ly hôn và anh đã dùng những lời đe dọa chị, khiến chị càng lo lắng, sợ hãi. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Trần Đình L1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

#### [3.2] Về nuôi con chung:

Chị Trần Thị L, anh Trần Đình L1 cùng khai có 01 con chung cháu Trần Ngọc Tường L2, sinh ngày 12/9/2020. Hiện nay cháu Tường L2 đều đang sinh sống với chị L. Xét thấy, trong khoảng thời gian vợ chồng không chung sống với nhau, con chung sống chung với chị L và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh đang thi hành án. Về nguyện vọng của anh L1, anh cũng xin được nuôi trong trường hợp ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay anh L1 đang thi hành án nên để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cháu Trần Ngọc Tường L2, sinh ngày 12/9/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Chị Trần Thị L, anh Trần Đình L1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ chung:

Chị L, anh L1 đều thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[3.4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp ký hiệu: BLTU/23, số: 0001485 ngày 29/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh L1 không phải chịu nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Đình L1.
2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung cháu Trần Ngọc Tường L2, sinh ngày 12/9/2020 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

### 3. *Về án phí*:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Trần Thị L phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp ký hiệu: BLTU/23, số: 0001485 ngày 29/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- *Án phí cấp dưỡng nuôi con*: Anh Trần Đình L1 không phải chịu nộp.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### *Nơi nhận*:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- UBND xã Vĩnh Thành, H. Vĩnh Linh,
- Tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
*(Các Hội thẩm nhân dân)*

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Quang Lương   Đặng Thị Thu**

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**













